



zǐ hóng sè
紫红色

noun/adjective · purplish red; magenta

Example Sentences

Tā chuān le yī jiàn zǐ hóng sè de qún zi
她 穿 了 一 件 紫 红 色 的 裙 子。

She wore a purplish red dress.

Qiū tiān de yè zi biàn chéng le zǐ hóng sè
秋 天 的 叶 子 变 成 了 紫 红 色。

The autumn leaves turned purplish red.

Trace each character, then write the word on your own.

紫	紫	紫	紫	紫	紫	紫	紫	紫	紫	紫
紫	紫	紫	紫							
红	红	红	红	红	红	红	红	红		
色	色	色	色	色	色	色	色	色		